

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 48-CTr/TU ngày 30/12/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về Phương hướng phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ Kế hoạch số 07/KH - CCDS ngày 30/01/2023 của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Lâm Đồng Kế hoạch Triển khai Nghị quyết số 152/NQ - CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 48 - CTr/TU ngày 30/12/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23 - NQ /TW ngày 06/10/2022 của Bộ chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch Hành động số 102/KH-UBND ngày 02/07/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm về Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn huyện Bảo Lâm;

Thực hiện Kế hoạch số 100/KH- TTYT ngày 08/02/2023 của Trung tâm Y tế Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 48-CTr/TU ngày 30/12/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về Phương hướng phát triển kinh tế - Xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 - Ngành Y tế Lâm Đồng;

Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm xây dựng Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 152/NQ - CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 48-CTr/TU ngày 30/12/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về Phương hướng phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gồm các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

* Đến năm 2030

2.1. Duy trì mức sinh thay thế, tỷ số giới tính khi sinh

Quy mô dân số 126.500 người

Giảm 75% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị; 85% số huyện, thành phố đạt mức sinh thay thế.

Tỷ số giới tính khi sinh 107 trẻ sơ sinh trai /100 trẻ sơ sinh gái.

100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

Mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có nhu cầu đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản. Giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

2.2. Nâng cao chất lượng dân số

Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 100%.

Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%. Giảm 30% số cặp tạo hôn, giảm 40% số cặp hôn nhân cận huyết thống.

Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tư vấn tầm soát và quản lý tầm soát sơ sinh đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến đạt 90%.

Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tư vấn và quản lý thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền đạt 100%.

Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tầm soát phát hiện thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền đạt 100%.

Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 85%.

2.3. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Tỷ lệ Trạm Y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình đạt 100%.

Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm đạt 85%.

Tỷ lệ người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe đạt 85%.

*** *Tầm nhìn đến năm 2045***

Tiếp tục đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số. Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp

- Tổ chức phổ biến, học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết đến các ngành, địa phương, tổ chức Đảng các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức và tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.

- Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương. Phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và của cả cộng đồng trong công tác dân số. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với ngành, cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp; đặc biệt là trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 2 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan toả sâu rộng trong toàn xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nội dung nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết, Chương trình hành động, các chế độ, chính sách về dân số.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nội dung truyền thông, giáo dục phải chuyển mạnh sang chính sách dân số và phát triển.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những xã đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những xã có mức sinh thấp.

- Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực người Việt Nam. Nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Đổi mới toàn diện và đa dạng hóa các hình thức, phương pháp truyền thông để có sự thống nhất, đồng thuận và đạt hiệu quả cao. Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương; tập trung khai thác, phát triển những tiện ích, lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả truyền thông chuyển đổi hành vi thông qua đội ngũ báo cáo viên, truyền thông viên của các ban, ngành, đoàn thể và các cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố. Tăng cường hình thức truyền thông gắn với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giải trí và thể dục, thể thao.

- Lựa chọn và triển khai nội dung, hình thức truyền thông phù hợp với thực trạng mức sinh của từng xã, TT công tác truyền thông phải đảm bảo sự nhạy bén, linh hoạt để góp phần duy trì lâu dài mức sinh thay thế.

- Vận động, thuyết phục và phát huy vai trò của chức sắc tôn giáo, các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia truyền thông, ủng hộ các hành vi có lợi về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung truyền thông vào các hoạt động sinh hoạt của cộng đồng, văn hóa dân gian; đưa các tiêu chí về dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng, vào tiêu chuẩn thôn, bản, làng văn hóa, gia đình văn hóa.

- Đổi mới căn bản, toàn diện nội dung, chương trình, tài liệu, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường theo hướng khoa học, hiện đại.

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện xã hội hóa, huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, tích cực tham gia vào công tác truyền thông giáo dục về dân số và phát triển.

3. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ

- Triển khai đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 mở rộng, tăng cường mạng lưới cung cấp dịch vụ trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tế từng địa phương và nhu cầu của nhóm đối tượng, ưu tiên địa bàn vùng sâu, vùng xa, kiện toàn phát triển mạng lưới chăm sóc trẻ sơ sinh; củng cố, bổ sung hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số cho các tuyến; tổ chức cung cấp dịch vụ theo phân cấp, phân tuyến kỹ thuật, các cơ sở cung cấp dịch vụ kể cả y tế tư nhân; ưu tiên xây dựng hỗ trợ hệ thống chuyển tuyến phù hợp. Đẩy mạnh tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân.

- Đầu tư cho các dịch vụ sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị sớm một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh nhằm tạo bước đột phá trong các hoạt động góp phần nâng cao chất lượng dân số; phát triển chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế; khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

- Khuyến khích các cơ sở y tế ngoài công lập tham gia cung cấp các dịch vụ về dân số có chất lượng; lồng ghép chính sách dân số vào các mô hình đề án, dự án trong phát triển kinh tế - xã hội; giảm dần mức độ bao cấp của ngân sách Nhà nước cho dịch vụ dân số, ưu tiên tập trung cho các vùng khó khăn, vùng có mức sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3 còn cao; tăng cường trách nhiệm với người đứng đầu các đơn vị, địa phương để xảy ra tình trạng không đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên không giảm hoặc tăng cao.

- Triển khai đề án xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản kế hoạch hóa gia đình tại khu vực thành thị và nông thôn phù hợp với từng địa phương; cung ứng hàng hóa, phương tiện cho các cơ sở dịch vụ tư nhân, dịch vụ tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Đảm bảo nguồn lực cho công tác dân số

- Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, giáo dục, đào tạo, văn hoá, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số. Vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về dân số và phát triển. Huy động sự đóng góp của tư nhân, doanh nghiệp, cộng đồng và người sử dụng dịch vụ.

5. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

- Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số hiện nay theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp. Xây dựng Đề án về mô hình tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong chỉ đạo, điều phối hoạt động của các cấp, các ngành, các cơ quan có liên quan đến dân số và phát triển.

- Rà soát, ban hành chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với đội ngũ công tác viên ở thôn, xóm, ấp, bản, làng, tổ dân phố, khu dân cư...

- Tiếp tục chuẩn hoá đội ngũ cán bộ dân số đáp ứng yêu cầu chuyên hướng sang chính sách dân số. Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực làm công tác dân số trong tình hình mới.

- Củng cố cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp công nghệ thông tin điện tử, tích hợp các hệ thống phần mềm ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng, khai thác thông tin về dân số và phát triển. Ưu tiên phát triển cung cấp dịch vụ dân số qua mạng tạo thuận lợi cho người dân.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số; triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý từ tuyến tỉnh đến trạm y tế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Điều dưỡng và Dân số

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động cụ thể về công tác dân số và phát triển theo định hướng của Nghị quyết, hướng dẫn các đơn vị xã, TT xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có hiệu quả.

- Tham mưu Phòng Y tế, Ủy ban nhân dân xây dựng kế hoạch hàng năm, từng giai đoạn triển khai thực hiện các hoạt động về Y tế - dân số và phát triển trên địa bàn huyện.

- Chủ động phối hợp với các Ban, ngành đoàn thể có liên quan để tổ chức thực hiện hiệu quả công tác dân số và phát triển, góp phần đạt và vượt các chỉ tiêu của Nghị quyết đề ra.

- Tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho các đối tượng tham gia thực hiện các hoạt động của kế hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách. Tham gia kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo, thực hiện các hoạt động Dân số và phát triển theo ngành dọc.

2. Ban chỉ đạo công tác DS - KHHGD các xã, TT

- Chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể và các trường thôn, tổ dân phố trực thuộc phối hợp cùng ngành Y tế huyện thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt tại địa phương.

- Hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động kế hoạch thực hiện Nghị quyết tại địa phương.

3. Trạm Y tế các xã, TT

- Xây dựng kế hoạch tham mưu cho Ban chỉ đạo công tác DS-KHHGD các xã, TT tổ chức thực hiện tốt nội dung kế hoạch của Trung tâm Y tế huyện.

Định kỳ báo cáo (6 tháng, hàng năm) tình hình thực hiện về Trung tâm Y tế trước 05/5 và 02/12 hàng năm để tổng hợp báo cáo Sở Y tế, Chi cục Dân số - KHHGD theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 48-CTr/TU ngày 30/12/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về Phương hướng phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Lâm Đồng (báo cáo);
- Chi cục DS - KHHGD (báo cáo);
- Ban GD (báo cáo);
- TTYT các xã, TT;
- Lưu: VT, KHNV ĐD&DS, PTLX.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Phú Lương